

nang. Tiêm truyền tĩnh mạch : 2-4 ống 15mg pha vào 250ml dung dịch NaCl hoặc glucose đặng trương. Còn dùng tiêm bắp : Ngày 1-2 ống 5mg

Chống chỉ định : Các thê tân tạo ở não kèm tăng áp lực nội sọ ; phụ nữ có thai.

Lưu ý : Thuốc không có tác dụng hạ huyết áp lâu dài.

- Khi tiêm truyền phải chậm, khoảng cách 2 lần tiêm là 12 giờ.

- Nếu di chứng nhồi máu cơ tim, rối loạn nhịp tim, dùng liều thấp tăng từ từ, theo dõi điện tâm đồ.

- Nếu hạ kali huyết, cần điều chỉnh trước khi dùng thuốc.

Tương tác thuốc : Chống chỉ định với amiodaron, bepridil, disopyramid, erythromycin IV, hydroquinidin, sotalol, sultoprid (nguy cơ gây xoắn đinh). Khuyên không phối hợp với : amphotericin B IV, glucomineralocorticoid, tetracosactid, các thuốc lợi tiểu hạ kali huyết, các thuốc nhuận tràng kích thích (gây hạ kali huyết).

Vincamin cetoglutarat

Biệt dược : Oxovinca (Pháp)

Dạng thuốc : Viên nén 20mg, lọ 90ml thuốc giọt uống 1,33g/100ml.

Tác dụng : Như Vicamin.

Chỉ định : Các rối loạn tâm thần, cơn xù do chứng lão hóa ở não.

Liều dùng : Trung bình uống 2 lần, sáng và tối, mỗi lần 1 viên hay 30 giọt (nếu bị nặng có thể uống tối 3 lần).

Chống chỉ định : U não kèm tăng áp lực sọ não. Phụ nữ có thai.

Lưu ý : Trong các di chứng nhồi máu cơ tim và loạn nhịp cần dùng liều tăng dần, và có theo dõi điện tâm đồ - Khi có giảm kali huyết, làm thay đổi tính chịu kích thích của cơ tim, cần điều chỉnh kali- huyết trước khi dùng . Thuốc không có tác dụng làm hạ huyết áp, nên với người bị tăng huyết áp vẫn phải dùng thuốc điều trị đặc hiệu

Vincristin

Vincaleukoblastin ; 22-oxo -leucocristin
(Viết tắt là VCR).

Dạng thuốc : Lọ thuốc bột đông khô 0,5mg kèm 10ml dung dịch NaCl 0,9%. Lọ 1mg/1ml

Tác dụng : Chống ung thư- Chống nguyên

nhân. Là một alcaloid chiết xuất từ cây Dừa cạn. (Vinca rosea) có tác dụng ức chế phân bào ở các bạch cầu và tế bào ung thư.

Chỉ định : Bệnh bạch cầu lymphó và tuy cấp tính ở trẻ em, u bao thận kinh, bệnh Hodgkin sarcôm lười.

Liều dùng : Tiêm tĩnh mạch -trẻ em 0,03mg/kg/7 ngày. Sau tăng dần liều tối đa là 0,1mg/kg/7 ngày. Liều duy trì : 0,025kg/7 ngày.

Chống chỉ định : Giảm bạch cầu.

Vindesin

Dạng thuốc : Lọ thuốc bột đông khô 1-4 và 5mg

Tác dụng : Chống ung thư - chống nguyên nhân. Kim tế bào ung thư phát triển tương tự như vincristin.

Chỉ định : Tăng bạch cầu lymphó cấp và u lymphó đã dùng những thứ thuốc khác mà chưa khỏi. Các u rắn ở vú, thực quản, ung thư phế quản - phổi.

Liều dùng : Chỉ dùng tiêm tĩnh mạch. người lớn : 3mg/m² bê mặt thân thể /7-10 ngày. Trẻ em : 4mg/m²/7-10 ngày. Đợt dùng 30 ngày.

Chống chỉ định : Phụ nữ có thai hoặc nuôi con bú. Giảm bạch cầu, giảm tiêu cầu. Người nhiễm khuẩn nặng.

Vineran (Hàn Quốc)

Dạng thuốc : Viên nén chứa :

Retinol acetat	5000 dvgt
Ergocalciferol	400 dvgt
Kẽm 8 vitamin khác và 6 muối khoáng.	

Chỉ định : Bổ xung các vitamin và muối khoáng cho cơ thể.

Liều dùng : Người lớn ngày 1 viên.

Lưu ý : Còn có Bd Vineran S - viên nén có 2mg retinol acetat, 60mg tocopherol acetat (dạng thuốc hạt 50%), kèm 8 vitamin và 10 muối khoáng. Chỉ định và liều dùng cũng như trên.

Vinorelbine ditartrat

Biệt dược : Navelbine (pháp)

Dạng thuốc : Lọ thuốc tiêm 1ml 13,85mg tương ứng với 10mg vinorelbine base và lọ 5ml có 69,25mg tương ứng 50mg vinorelbine base.

Tác dụng : Thuốc chống ung thư kim tế bào